

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 745/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2018
V/v Tuyên bố không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nhã.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm.
2. Ông Đoàn Văn Rỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Tổ 38 Đường Đ, Khóm 5, phường A, thành phố C, tỉnh A; địa chỉ tạm trú: 314/2B Đường L, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quốc B, sinh năm 1986; địa chỉ: 554/5C Đường H, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 09 tháng 4 năm 2018 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Bà L và ông Trần Quốc B sống chung vào cuối năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn gia đình xảy ra là do bất đồng về quan điểm, lối sống không phù hợp. Nay bà L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L với ông B.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Nhật H sinh ngày 02/10/2006. Bà L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 6 năm 2018 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Trần Quốc B trình bày: Ông B và bà Nguyễn Thị Trúc L sống chung vào cuối năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn gia đình xảy ra là do bất đồng về quan điểm, lối sống không phù hợp. Nay ông B cũng đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông B với bà L.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Nhật H sinh ngày 02/10/2006. Ông B đồng ý giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông B sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B xác định không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn và bị đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L thì đây là vụ án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L và bị đơn ông Trần Quốc B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét việc bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Trần Quốc B chung sống với nhau vào năm 2005 không có đăng ký kết hôn và cho đến hôm nay cũng không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giữa bà L và ông B không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà L và ông B yêu cầu Tòa án không công nhận cả hai là vợ chồng, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông B.

[4] Xét về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông B có một con chung tên Trần Nhật H sinh ngày 02/10/2006, bà L và ông B cùng thống nhất giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng; sự thỏa thuận này phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng

xét xử quyết định giao con chung tên Trần Nhật H sinh ngày 02/10/2006 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

[5] Xét về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L và ông B phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Trần Quốc B.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nhật H sinh ngày 02/10/2006, hàng tháng ông B cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi con trẻ trưởng thành. Hai bên tự thỏa thuận thi hành, nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Ông B có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc cấp dưỡng theo thỏa thuận nêu trên; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định pháp luật tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí L hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà L phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014629 ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8. Bà L đã thi hành xong phần án phí.

Án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông B phải chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 8.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nhã